

Số: 234/KH-MNPT

Trung An, ngày 22 tháng 08 năm 2025

KẾ HOẠCH
THU CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2025 - 2026

I. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở Giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở GDMN, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ quyết định số 50/2017 ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGD ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2023 NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ cuộc họp Ban Đại diện Cha mẹ học sinh ngày 19/8/2025;

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và cơ sở vật chất nhà trường.

Trường Mầm non Phước Thạnh xây dựng kế hoạch thu chi tài chính năm học 2025 - 2026 như sau:

II. MỤC ĐÍCH

- Sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả đảm bảo các nguyên tắc tài chính theo quy định.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động; Nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

4. Xây dựng tập thể đoàn kết.

III. NHIỆM VỤ

1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt đối với GV hợp đồng.

2. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

3. Thực hiện việc XDCSV, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học.

4. Huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

5. Quản lý tài sản nhà trường.

6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động hợp đồng:

- Ký hợp đồng lao động với các lao động hợp đồng, trả lương theo quy định của luật lao động.

- Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động có đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đồng thời đảm bảo thu theo mức thu quy định tại nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND..

- Phối hợp với công đoàn bộ phận trong công việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên của đơn vị.

2. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước:

- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm năm trước.

- Xây dựng triển khai nghiêm túc kế hoạch ngân sách được giao. Giải quyết kịp thời những vướng mắc trong việc chi tiêu ngân sách nhà nước trong quá trình thay đổi cơ chế quản lý tài chính.

- Lập dự toán, phương án, kế hoạch thu, kế hoạch chi theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Hợp Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhằm xây dựng quy mức thu trong năm học một cách minh bạch, công khai.

- 100% các nguồn thu-chi được kiểm soát qua kho bạc nhà nước và ngân hàng thương mại nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán.

- Triển khai kịp thời các chính sách mới của Nhà nước bằng hình thức dán công khai trên bảng tin; đăng lên web của trường; gửi đến zalo nhóm của đơn vị.

- 100% CB-GV-NV được hướng dẫn về chế độ chứng từ kế toán và yêu cầu chấp hành đúng quy trình tạm ứng và thanh quyết toán.

- Cuối tuần, cuối tháng yêu cầu các bộ phận có liên quan chuyển chứng từ, bảng kê, dự trừ kinh phí.

- Quyết toán công khai các khoản thu - chi, kết hợp với trường ban thanh tra nhân dân kiểm tra theo đúng kế hoạch.

- Tài liệu kế toán lưu trữ phải được bảo quản theo pháp luật hiện hành của Nhà nước về bảo vệ tài liệu lưu trữ và theo quy định, chống ẩm, mốc; chống lũ lụt, mối, chuột cắn...

3. Thực hiện việc XDCSV, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Rà soát, kiểm kê lại cơ sở vật chất, thiết bị trong nhà trường, cập nhập tình trạng CSV, thiết bị vào sổ tài sản.

- Đầu năm xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí cho chuyên môn, thư viện, y tế, thiết bị trường học, cơ sở vật chất, và các nguồn chi khác.

- Tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng để phê duyệt cho các bộ phận có liên quan để thực hiện.

- Quản lý, theo dõi kịp thời điều chỉnh nguồn kinh phí sao cho phù hợp để tăng cường CSV, lên kế hoạch mua sắm báo cáo Ủy ban nhân dân Phường Trung An.

- Tham mưu với lãnh đạo trường những nội dung cơ bản trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng vật tư, trang thiết bị

- Thực hiện đúng quy định về công tác quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

4. Huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

- Báo cáo UBND-HĐGD phường về việc vận động xã hội hoá của nhà trường.

- Tham mưu với UBND-HĐGD phường xây dựng kế hoạch triển khai vận động thu xã hội hoá.

- Hợp chi bộ, Hội đồng nhà trường xây dựng kế hoạch.

- Hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh xin ý kiến các khoản thu theo thoả thuận.

- Triển khai kế hoạch tới Ban đại diện CMHS các lớp và triển khai tới từng phụ huynh học sinh trong nhà trường.

- Tổng hợp báo cáo cấp trên.

- Xây dựng các nguồn thu của PHHS trên nguyên tắc đóng góp tự nguyện và các khoản thu trong nhà trường

- Kêu gọi sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, địa phương, dân cư ban ngành cơ quan đoàn thể trong khu vực.

5. Quản lý tài sản nhà trường.

- Rà soát lại tài sản trong trường, phân loại và lập sổ theo dõi tình trạng các loại tài sản.

- Phân công cán bộ phụ trách, báo cáo BGH khi tài sản không còn sử dụng được và tiến hành thanh lý theo quy định.

- Tiến hành sửa chữa tu bổ tài sản trong nhà trường đặc biệt chú trọng đến các dụng cụ sử dụng và phục vụ thường xuyên cho trẻ tại lớp.

- Kết hợp với bảo vệ đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong nhà trường.

- Cuối năm kiểm kê đánh giá lại tài sản.

6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nâng cao nhận thức trong việc thực hành tiết kiệm khi sử dụng kinh phí cho cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Lập dự toán sát với thực tế. Xuất phát từ nhu cầu thực tế của các hoạt động trong năm: nguồn nhân lực, vật lực cần huy động, kinh phí..., từ các bộ phận phụ trách các công việc. Kế toán tổng hợp lập dự toán.

- Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kinh phí đảm bảo cho các hoạt động diễn ra đúng kế hoạch.

V. KẾ HOẠCH THU – CHI

1. Các khoản thu để tổ chức hoạt động bán trú tại trường: (đơn vị tính: ngàn đồng)

STT	Khoản thu	Mức thu/HS	Sĩ số học sinh	Dự kiến số tiền phải thu	Dự kiến Miễn giảm, thất thu	Tổng số tiền thực thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Hoạt động bán trú	406	410	1.498.140	17.172	1.480.968	NQ06/2023/ NQ-HĐND tỉnh Tiền Giang
1.1	Chi trả lương nhân viên nấu ăn (Cấp dưỡng)	155	410	571.950	5.580	566.370	
1.2	Chi hỗ trợ GV trực trưa, nhân viên phục vụ bán trú	88	410	324.720	3.168	321.552	
1.3	Chi hỗ trợ viên chức quản lý trực trưa, kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú	17	410	62.730	3.168	59.562	
1.4	Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh chất đốt, điện nước sinh hoạt bán trú)	100	410	369.000	3.600	365.400	
1.5	Chi khấu hao tài sản phục	26	410	95.940	936	95.004	

	vụ việc ăn uống						
1.6	Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học	20	410	73.800	720	73.080	
2	Tiền ăn chính	30/ngày	410	2.324.700		2.324.700	Thoả thuận theo NQ 06/2023/ NQ-HĐND tỉnh Tiền Giang
3	Ăn sáng	17.5/ngày	390	1.228.500	3.960	1.224.540	
3.1	Tiền ăn sáng	12/ngày	390	842.400		842.400	
3.2	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng	5.5/ngày	390	386.100	3.960	382.140	NQ 06/2023/ NQ-HĐND Tỉnh Tiền Giang
4	Bảo hiểm tai nạn học sinh	140/năm	410	57.400		57.400	Thu hộ chi hộ theo định mức của bảo hiểm Bảo Minh TG
5	Đồ dùng bán trú đầu năm: Mua sắm đồ dùng cá nhân sử dụng cho trẻ theo từng khối lớp + sửa chữa CSVC trong hoạt động bán trú	80/ năm	410	32.800		32.800	Thoả thuận theo khoản B phụ lục 06/2023NQ-HĐND
6	Đồ dùng học tập: Chi mua thực tế theo nhu cầu sử dụng của từng khối lớp.	221.37/năm	410	90.765		90.765	
Tổng						5.211.173	

2. Các khoản Chi để tổ chức hoạt động bán trú tại trường: (đơn vị tính: ngàn đồng)

STT	Khoản chi	Nội dung chi	Tỉ lệ chi	Số tiền	Công văn hướng dẫn chi
1	Hoạt động bán trú	- Chi trả lương nhân viên : 8 nhân viên có tham gia BHXH, BHYT, BHTN mức lương từ 5.000.000 đến 6.900.000 đ -Nộp thuế theo quy định	100%	566.370	NQ 06/2023/NQ- HĐND tỉnh
		- Chi hỗ trợ giáo viên trực trưa theo sĩ số trẻ thực học trong tháng. Chi từng tháng -Nộp thuế theo quy định	100%	321.552	
		- Chi hỗ trợ quản lý trực trưa, nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú - Nộp thuế theo quy định	100%	59.562	
		- Chi phụ phí cho hoạt động bán trú (Vệ sinh, chất đốt, điện, nước sinh hoạt) - Nộp thuế theo quy định	100%	365.400	
		- Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống. - Nộp thuế theo quy định (Định mức chi theo hướng dẫn của tài chính)	100%	95.004	
		- Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học. - Nộp thuế theo quy định	100%	73.080	
2	Tiền ăn chính	Chi tiền chợ mua thực phẩm theo định mức chi mỗi ngày và theo báo cơm của giáo viên Chi thanh toán lại cho phụ huynh khi bé nghỉ học, được cân trừ vào tháng kế tiếp và trả lại khi kết thúc năm học		2.324.700	Thỏa thuận theo khoản B phụ lục 06/2023NQ-HĐND
3	Ăn Sáng	- Chi tiền chợ mua thực phẩm theo khẩu phần phục vụ cho ăn sáng của trẻ. - Thanh toán lại cho phụ huynh khi bé nghỉ học và được cân trừ vào tháng sau và trả lại khi kết thúc năm học		842.400	
		- Chi bồi dưỡng cho dịch vụ tổ chức ăn sáng theo tỷ lệ chi GV trực tiếp và bộ phận gián tiếp có tham gia.		382.140	

		- Nộp thuế theo quy định			
4	Đồ dùng bán trú; Đồ dùng học tập đầu năm	Đồ dùng bán trú đầu năm: Mua sắm đồ dùng cá nhân sử dụng cho trẻ theo từng khối lớp + sửa chữa CSVC trong hoạt động bán trú		32.800	Thỏa thuận theo khoản B phụ lục 06/2023NQ-HĐND
		Đồ dùng học tập : Chi mua thực tế theo nhu cầu sử dụng của từng khối lớp. (<i>đính kèm phụ lục</i>)		90.765	
5	Bảo hiểm tai nạn học sinh	Mức thu theo báo giá của bảo hiểm Bảo Minh TG		57.400	định mức của bảo hiểm Bảo Minh TG
Tổng				5.211.173	

3. Hình thức thu, thời gian thu:

Hàng tháng, bộ phận kế toán sẽ căn cứ vào số ngày hoạt động trong tháng của đơn vị mà tạm tính số tiền tạm thu tiêu chuẩn gửi danh sách qua Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam và gửi phiếu báo tiêu chuẩn đến phụ huynh.

Tiền bán trú: Thu bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (khuyến khích phụ huynh chuyển khoản). Thời gian từ 01 tây đến 15 tây hàng tháng.

4. Chứng từ chi :

- Chi lương nhân viên cấp dưỡng: Theo NQ06/2023/NQ-HĐND.
- + Tiền lương thuê nhân viên, cấp dưỡng (*phụ lục đính kèm*)
- + Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN .

Hàng tháng, bộ phận kế toán chuyển khoản thanh toán các khoản đóng góp cho cơ quan bảo hiểm xã hội như (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) theo quy định hiện hành.

Chứng từ thanh toán: ủy nhiệm chi, Bảng thanh toán tiền lương cho nhân viên thuê ngoài, danh sách chi lương qua thẻ ATM.

- Chi trực trưa giáo viên đứng lớp: Theo NQ06/2023/NQ-HĐND.

Hàng tháng, bộ phận kế toán chuyển khoản thanh toán theo định mức và theo số trẻ thực tế đi học của mỗi lớp.

Chứng từ thanh toán: ủy nhiệm chi, Bảng thanh toán tiền trực trưa cho giáo viên lớp theo từng lớp, danh sách chi lương qua thẻ ATM.

- Chi trực trưa quản lý và nhân viên hoạt động bán trú: Theo NQ06/2023/NQ-HĐND.

Hàng tháng, bộ phận kế toán chuyển khoản thanh toán theo định mức và theo số trẻ thực tế đi học của tháng.

Chứng từ thanh toán: ủy nhiệm chi, Bảng thanh toán tiền trực trưa cho quản lý và nhân viên hoạt động bán trú, danh sách chi lương qua thẻ ATM.

- Chi tiền công dọn vệ sinh: Theo NQ06/2023/NQ-HĐND.

Hàng tháng, bộ phận kế toán chuyển khoản thanh toán theo định mức lương hợp đồng mỗi tháng.

Chứng từ thanh toán: ủy nhiệm chi, bảng thanh toán tiền lương cho nhân viên thực hiện công tác vệ sinh, danh sách chi lương qua thẻ ATM.

- Chi tiền ăn chính :

Hàng ngày, bộ phận kế toán sẽ kiểm tra và chi tiền chợ để nấu ăn cho trẻ gồm: Tiền ăn ngày: 30.000đ/trẻ/ngày;

Chứng từ kèm theo: ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán, bảng kê mua hàng, hóa đơn đỏ.

- Chi tiền nấu ăn sáng:

Hàng ngày, bộ phận kế toán sẽ kiểm tra và chi tiền chợ để nấu ăn cho trẻ gồm: Tiền ăn sáng: 12.000đ/trẻ/ngày;

Chứng từ kèm theo: UNC thanh toán qua ngân hàng, Giấy đề nghị thanh toán, bảng kê mua hàng, hóa đơn đỏ.

Chi tiền bồi dưỡng hoạt động ăn sáng:

Chi theo định mức đã được thống nhất trong quy chế chi tiêu nội bộ về mức chi bồi dưỡng ăn sáng.

Chứng từ thanh toán: ủy nhiệm chi, Bảng thanh toán tiền công ăn sáng cho giáo viên, quản lý và nhân viên hoạt động ăn sáng, danh sách chi lương qua thẻ ATM.

- Chi tiền phụ phí bán trú:

Chi mua đồ dùng chăm sóc phục vụ công tác vệ sinh hàng tháng cho các lớp và bộ phận bếp, phục vụ vệ sinh; mua gas nấu ăn; mua dụng cụ nhỏ như rổ, thớt, dao... ở bếp bị hư cần thay thế.

Chứng từ kèm theo: ủy nhiệm chi, giấy đề nghị thanh toán, bảng kê mua hàng, hóa đơn đỏ, chứng từ có liên quan khác.

- Các khoản nộp khấu hao cơ sở vật chất bán trú : Chuyển khoản nộp vào TK quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị tại Kho bạc nhà nước khu vực XVIII- Phòng giao dịch số 2 tài khoản : 3713.0.1112497.94001.

- Các khoản chi nộp thuế : Thực hiện theo luật quản lý thuế và nộp thuế bằng thuế điện tử đã được đăng ký với tổng cục thuế theo quy định.

- Chi mua thuốc, vật tư y tế, phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu cho CB-GV-NV và học sinh khi bị tai nạn thương tích hoặc các trường hợp bệnh thông thường trong thời gian học, làm việc tại đơn vị. Mua nước rửa tay sát khuẩn, khẩu trang y tế, Bột tẩy clozamin xịt khử môi trường, lớp học.

- Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế thông thường phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tủ tài liệu quản lý hồ sơ sức khỏe tại đơn vị.

- Chi mua văn phòng phẩm phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Chứng từ kèm theo: Phiếu chi, Giấy đề nghị thanh toán, Bảng kê mua hàng, hóa đơn đỏ (nếu có), chứng từ có liên quan khác.

- Ngoại khóa thực hiện theo đề án được phê duyệt của cấp trên. Bao gồm các nội dung chi :

- + Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Phần sử dụng cho hoạt động dịch vụ);
- + Khấu hao tài sản (10%);
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp (2% doanh thu dịch vụ);
- + Tiền quản lý, phụ thu (5%);
- + Tiền điện, nước (5%);
- + Tiền vật tư, văn phòng phẩm (2%);
- + Vệ sinh, mua sắm, sửa chữa nhỏ (5%);
- Các khoản chi nộp thuế : Thực hiện theo luật quản lý thuế và nộp thuế bằng thuế điện tử.
- Các khoản tài trợ - Xã hội hóa : Thực hiện theo Thông tư 16/2018/TT-BGDDT.
- Đồ dùng học tập: Thu hộ chi hộ cho PHHS theo thực tế của từng độ tuổi
- Đồ dùng bán trú: mua bổ sung dụng cụ bán trú tại lớp như : chén, muỗng ca,...cho các lớp.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiệu trưởng tổ chức triển khai trong buổi họp hội đồng sư phạm và hội nghị cha mẹ trẻ em của trường để có sự đồng thuận và thống nhất thực hiện.

Phân công các viên chức có tên sau chịu trách nhiệm trực tiếp theo dõi hoạt động thu tiền của phụ huynh và báo cáo các khoản thu với người phụ trách công tác kế toán và Hiệu trưởng của đơn vị, gồm: Lê Thị Hồng Nhung.

Phân công nhân viên có tên sau phụ trách công tác kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm kiểm soát các khoản thu - chi của đơn vị theo đúng quy định hiện hành và báo cáo tình hình thu - chi của đơn vị trực tiếp với Hiệu trưởng của đơn vị, gồm: Nguyễn Trần Anh Thông.

Các nhân viên quản lý thu chi thường xuyên tuyên truyền và phối hợp với giáo viên các lớp vận động cha mẹ học sinh nộp các khoản thu đúng thời gian theo quy định của đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch Thu - Chi tài chính năm học 2025-2026 của trường Mầm non Phước Thạnh./.

Nơi nhận:

- UBND phường Trung An;
- Phòng VHXX;
- Ban ĐDCMHS Trường MNPT;
- Lưu: VT.



BAN ĐẠI DIỆN CMHS

Võ Trần Khắc Ái

DANH MỤC ĐỒ DÙNG HỌC TẬP KHỐI NHÀ TRẺ
NĂM HỌC 2025-2026

STT	Tên đồ dùng	Giá tiền (đ)	Số lượng	Ghi chú
1	Sổ bé ngoan + bìa	8,500		
2	Tập bé làm quen với toán + bìa	16,000		
3	Tập Bé làm quen Môi trường xung quanh + bìa	16,000		
4	Tạo hình + bìa	16,000		
5	Hoa hồng, hoa sen	2,000		
6	Màu sáp	18,000		
7	Bảng xanh	8,000		
8	Keo hồ	5,500		
9	Keo xốp	10,000		
10	Keo 02 mặt	4,000		
11	Bìa nút	4,000		
12	Đất nặn	21,000		
13	Giấy vẽ	30,000		
14	Giấy sơ mi màu	3,000		
15	Giấy màu: 04 màu (đỏ, vàng, xanh dương, xanh lá)	1,500		
TỔNG TIỀN KHỐI NHÀ TRẺ (1 trẻ)		163,500		

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG HỌC TẬP KHỐI MẦM
NĂM HỌC 2025-2026**

STT	Tên đồ dùng	Giá tiền (đ)	Số lượng	Ghi chú
1	Sổ bé ngoan + bìa	8,500		
2	Tập bé làm quen với toán + bìa	16,000		
3	Tập Bé làm quen Môi trường xung quanh + bìa	19,000		
4	Tạo hình + bìa	19,000		
5	Hoa hồng, hoa sen	2,000		
6	Kéo	5,000		
7	Màu sáp	20,000		
8	Bảng xanh	8,000		
9	Màu nước	32,000		
10	Keo hồ	5,500		
11	Keo xốp	10,000		
12	Keo 02 mặt	4,000		
13	Bìa nút	4,000		
14	Đất nặn	25,000		
15	Giấy vẽ	30,000		
16	Giấy sơ mi màu	3,000		
17	Giấy màu	1,500		
TỔNG TIỀN KHỐI MẦM (1 trẻ)		212,500		

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG HỌC TẬP KHỐI CHƠI
NĂM HỌC 2025-2026**

STT	Tên đồ dùng	Giá tiền (đ)	Số lượng	Ghi chú
1	Sổ bé ngoan + bìa	8,500		
2	Tập bé làm quen với toán + bìa	16,000		
3	Tập Bé làm quen Chữ cái + bìa	19,000		
4	Tạo hình + bìa	19,000		
5	Hoa hồng, hoa sen	2,000		
6	Kéo	5,000		
7	Màu sáp	20,000		
8	Bảng xanh	8,000		
9	Keo xốp	10,000		
10	Keo 02 mặt	4,000		
11	Keo hồ	5,500		
12	Màu nước	32,000		
13	Bìa nút	4,000		
14	Đất nặn	25,000		
15	Giấy vẽ	30,000		
16	Giấy sơ mi màu	3,000		
17	Giấy màu	1,500		
18	Bút chì	4,000		
19	Chuốt viết chì	3,000		
20	Gôm	4,000		
TỔNG TIỀN KHỐI CHƠI (1 trẻ)		223,500		

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG HỌC TẬP KHỐI LÁ
NĂM HỌC 2025-2026**

STT	Tên đồ dùng	Giá tiền (đ)	Số lượng	Ghi chú
1	Sổ bé ngoan + bìa	8,500		
2	Tập bé làm quen với toán + bìa	16,000		
3	Tập Bé làm quen Chữ cái + bìa	20,000		
4	Tạo hình + bìa	20,000		
5	Hoa hồng, hoa sen	2,000		
6	Kéo	5,000		
7	Bút chì	4,000		
8	Chuột viết chì	3,000		
9	Gôm	4,000		
10	Bút lông nhỏ	8,000		
11	Màu sáp	20,000		
12	Bảng xanh	8,000		
13	Keo xốp	10,000		
14	Keo 02 mặt	4,000		
15	Keo hồ	5,500		
16	Màu nước	32,000		
17	Bìa nút	4,000		
18	Đất nặn	25,000		
19	Giấy vẽ	30,000		
20	Giấy sơ mi màu	3,000		
21	Giấy màu	1,500		
TỔNG TIỀN KHỐI LÁ (1 trẻ)		233,500		

**ĐỀ XUẤT MUA ĐỒ DÙNG PHỤC VỤ BÁN TRÚ CỦA CÁC BỘ PHẬN ĐẦU NĂM
NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Đồ dùng	SC	M1	M2	M3	C 1	C2	C3	C4	C5	Lá 1	Lá 2	Lá 3	Lá 4	Lá 5	BV	Bếp	TV	VP	Tổng	Đặt mua	Ghi chú
1	Chổi dừa														1	2	1	1		5	5 cây	Có cây cầm
2	Bàn chải giặt đồ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		16	16 cái	
3	Khăn lau tay trẻ	4	4	4	4	5	5	5	5	3	5	5	5	5	3			8		70	70 cái	5 màu khác nhau
4	Khăn nhỏ để bàn ăn	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2					28	28 xấp	
5	Bàn chải đánh răng	30			66				144						160					400	400	
6	Khăn thô	30			66				144						160					400	400	
7	Khăn lau tay CD																8			8	8 cái	
8	Miếng lau nhà khô	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1	1	16	16 miếng	
9	Cây lau nhà khô	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1		15	15 cây	
10	Giá mức cơm cán inox	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1					14	14 cái	
11	giá canh														1					1	1 cái	
12	Muỗng ăn cơm của trẻ	10							20											30	30 cái	khi bị hư hỏng khi bị hư hỏng
13	Ca uống nước trẻ								20											20	20 cái	khi bị hư hỏng khi bị hư hỏng
14	Thảm phòng cô HT																		1		1	Thảm Đẹp
15	Thảm dài hành lang																	6	1	7	7	
16	Thớt Inox đại																3			3	3 cái	

STT	Đồ dùng	SC	M1	M2	M3	C 1	C2	C3	C4	C5	Lá 1	Lá 2	Lá 3	Lá 4	Lá 5	BV	Bếp	TV	VP	Tổng	Đặt mua	Ghi chú	
17	Cân đồng hồ 12 kg																1				1	1 cái	
18	Nồi nấu 60 kg																1				1	1 nồi	rộng 60 cm
19	Dao xắt gọt mũi bằng																6				6	6 cái	
20	Dao thái nhỏ cán gỗ																6				6	6 cái	
21	Cặp nhấc nồi																10				10	10 cặp	
22	Kéo đen làm cá																2				2	2 cái	
23	Ca inox mức thức ăn																1				1	1 cái	

Phước Thành, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Người lập

nhgl

Phạm Thị Hồng Nhung

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Kiều Oanh

**DANH MỤC TRANG BỊ ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI
KHỐI NHÀ TRẺ - NĂM HỌC 2025 - 2026**

Dvt: đồng.

TT	Mã (hoặc tên) đồ chơi	Đơn giá (dự kiến)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Lồng hộp vuông 10	107,000	2	214,000	
2	Bộ 3 tháp cọc	67,000	2	134,000	
3	Bộ đập 3 bi lọc xoáy	132,000	2	264,000	
4	Đồ chơi xe cầu trượt 4 tầng	154,000	1	154,000	
5	Tháp lật lật 12	207,000	1	207,000	
6	Bộ xâu hạt	90,000	2	180,000	
7	Bộ đồ chơi nấu ăn	185,000	1	185,000	
8	Bộ đồ chơi lắp ghép	105,000	2	210,000	
11	búp bê bé trai, bé gái	110,000	4	440,000	
	TỔNG CỘNG			1,988,000	

DANH MỤC TRANG BỊ ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI
KHỐI MẦM (dự kiến 70 trẻ - 3 lớp)- NĂM HỌC 2025 - 2026

Dvt: đồng.

TT	Mã (hoặc tên) đồ chơi	Đơn giá (dự kiến)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Hình ghép cầu vồng	105,000	1	105,000	
2	Bảng chữ số bằng gỗ lớn	279,000	3	837,000	
3	Bộ xếp khối bằng gỗ	46,000	2	92,000	
4	Đồ chơi tìm hình bóng phát triển tư duy	140,000	1	140,000	
5	Bộ ghép hình hoa	54,000	1	54,000	
6	Bảng ghép hình bằng gỗ	86,000	2	172,000	
7	Đồ chơi gấp hạt và bác	80,000	2	160,000	
8	Bảng xếp hình gỗ	95,000	1	95,000	
9	Bàn tính gỗ	129,000	1	129,000	
10	Hàng rào học đếm	189,000	1	189,000	
11	Tháp cầu vồng	80,000	1	80,000	
12	Đồ chơi hình học cao thấp	100,000	1	100,000	
13	Bảng ghép hình núm gỗ	30,000	2	60,000	
14	Bộ đồ chơi ghép bóng bằng gỗ	100,000	2	200,000	
15	Hình gỗ các loại động vật	110,000	1	110,000	
16	Gạch xếp xây dựng	120,000	2	240,000	
17	Bộ hình các con vật	60,000	2	120,000	
18	Bộ đồ chơi rau củ quả	80,000	1	80,000	
19	Bộ đồ chơi lắp ráp hình hoa	60,000	1	60,000	
20	Bộ thanh gỗ dụng cụ âm nhạc	70,000	2	140,000	
21	Bộ đồ chơi lego	24,000	6	144,000	
22	Bộ đồ chơi phương tiện giao thông	90,000	3	270,000	
23	Bộ đồ chơi bác sĩ	160,000	2	320,000	
24	Đồ chơi toán học cho trẻ MN tìm số	120,000	2	240,000	
25	Bộ đồ chơi chữ số	100,000	1	100,000	
TỔNG CỘNG				4,237,000	

DANH MỤC TRANG BỊ ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI
KHOİ CHƠI (DỰ KIẾN 140 TRẺ - 5 LỚP) - NĂM HỌC 2025 - 2026

Dvt: đồng.

TT	Mã (hoặc tên) đồ chơi	Đơn giá (dự kiến)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Đồ chơi toán học cho trẻ MN tìm số	120,000	2	240,000	
2	Bộ đồ chơi quần áo bác sĩ	85,000	2	170,000	
3	Thước đo chiều cao	83,000	1	83,000	
4	Bộ đồ chơi xếp hình khối Tetris	158,000	2	316,000	
5	Bảng ghép lego	24,000	6	144,000	
6	Bảng chữ, số Doraemon	155,000	2	310,000	
7	Rút gỗ loại to	120,000	4	480,000	
8	ĐC lắp ghép 121 chi tiết	150,000	2	300,000	
9	Đồ chơi câu cá câu chữ cái, chữ số	138,000	2	276,000	
10	Bộ đồ chơi bác sĩ	160,000	2	320,000	
11	Bộ dụng cụ sửa chữa	134,000	2	268,000	
12	Bộ số nam châm	70,000	1	70,000	
13	Bộ lật cờ luyện trí nhớ	70,000	2	140,000	
14	Bộ đồ chơi lắp ghép trí tuệ 100 chi tiết	110,000	2	220,000	
15	Bộ đồ chơi phương tiện giao thông	90,000	2	180,000	
16	Bộ ghép nút lớn 164 chi tiết	70,000	2	140,000	
17	Rút gỗ loại to	120,000	2	240,000	
18	Bộ đồ chơi bác sĩ	160,000	2	320,000	
19	Đồ chơi câu cá câu chữ cái, chữ số bằng gỗ 31 con	43,000	3	129,000	
20	Bộ đồ chơi lắp ghép trang sức đa dạng 550 chi tiết	110,000	2	220,000	
21	Đồ chơi xếp hình cây cân bằng	35,000	5	175,000	
22	Bộ sách tập tô vẽ thông minh tự xóa	80,000	2	160,000	
23	Bộ đồ chơi lắp ghép có nam châm 60 chi tiết	140,000	2	280,000	
24	Đồ chơi xếp hình hạt nam 296 chi tiết	41,000	4	280,000	
25	Đồ chơi giáo dục bảng mê cung tranh đấu	162,000	2	280,000	
26	Đồ chơi giáo dục bảng chữ cái bãi đậu xe ô tô bằng gỗ có nam châm và bút từ.	177,000	2	280,000	
27	Đồ chơi nam châm xếp hình thông minh	299,000	2	598000	
28	Đồng hồ lắp ráp bằng gỗ (đồ chơi trí tuệ)	86,000	2	172000	
29	Gấp ong vào tổ (giáo cụ Montessori)	145,000	1	145000	
30	Rút gỗ loại to	120,000	2	240000	
31	Bộ lật cờ luyện trí nhớ	70,000	2	140000	
32	Bộ sách tập tô vẽ thông minh tự xóa	80,000	2	160000	
	TỔNG CỘNG			7,476,000	

DANH MỤC TRANG BỊ ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI
KHOİ CHƠI (DỰ KIẾN 140 TRẺ - 5 LỚP) - NĂM HỌC 2025 - 2026

Dvt: đồng.

TT	Mã (hoặc tên) đồ chơi	Đơn giá (dự kiến)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Đồ chơi toán học cho trẻ MN tìm số	120,000	2	240,000	
2	Bộ đồ chơi quần áo bác sĩ	85,000	2	170,000	
3	Thước đo chiều cao	83,000	1	83,000	
4	Bộ đồ chơi xếp hình khối Tetris	158,000	2	316,000	
5	Bảng ghép lego	24,000	6	144,000	
6	Bảng chữ, số Doraemon	155,000	2	310,000	
7	Rút gỗ loại to	120,000	4	480,000	
8	ĐC lắp ghép 121 chi tiết	150,000	2	300,000	
9	Đồ chơi câu cá câu chữ cái, chữ số	138,000	2	276,000	
10	Bộ đồ chơi bác sĩ	160,000	2	320,000	
11	Bộ dụng cụ sửa chữa	134,000	2	268,000	
12	Bộ số nam châm	70,000	1	70,000	
13	Bộ lật cờ luyện trí nhớ	70,000	2	140,000	
14	Bộ đồ chơi lắp ghép trí tuệ 100 chi tiết	110,000	2	220,000	
15	Bộ đồ chơi phương tiện giao thông	90,000	2	180,000	
16	Bộ ghép nút lớn 164 chi tiết	70,000	2	140,000	
17	Rút gỗ loại to	120,000	2	240,000	
18	Bộ đồ chơi bác sĩ	160,000	2	320,000	
19	Đồ chơi câu cá câu chữ cái, chữ số bằng gỗ 31 con	43,000	3	129,000	
20	Bộ đồ chơi lắp ghép trang sức đa dạng 550 chi tiết	110,000	2	220,000	
21	Đồ chơi xếp hình cây cân bằng	35,000	5	175,000	
22	Bộ sách tập tô vẽ thông minh tự xóa	80,000	2	160,000	
23	Bộ đồ chơi lắp ghép có nam châm 60 chi tiết	140,000	2	280,000	
24	Đồ chơi xếp hình hạt nam 296 chi tiết	41,000	4	280,000	
25	Đồ chơi giáo dục bảng mê cung tranh đấu	162,000	2	280,000	
26	Đồ chơi giáo dục bảng chữ cái bãi đậu xe ô tô bằng gỗ có nam châm và bút từ.	177,000	2	280,000	
27	Đồ chơi nam châm xếp hình thông minh	299,000	2	598000	
28	Đồng hồ lắp ráp bằng gỗ (đồ chơi trí tuệ)	86,000	2	172000	
29	Gấp ong vào tổ (giáo cụ Montessori)	145,000	1	145000	
30	Rút gỗ loại to	120,000	2	240000	
31	Bộ lật cờ luyện trí nhớ	70,000	2	140000	
32	Bộ sách tập tô vẽ thông minh tự xóa	80,000	2	160000	
	TỔNG CỘNG			7,476,000	

DANH MỤC TRANG BỊ ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI
KHOİ LÁ (DỰ KIẾN 160 TRẺ - 5 LỚP) - NĂM HỌC 2025 - 2026

Dvt: đồng.

TT	Mã (hoặc tên) đồ chơi	Đơn giá (dự kiến)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Rút gỗ loại to	120,000	3	360,000	
2	Bộ cờ trí nhớ màu sắc bằng gỗ	55,000	5	275,000	
3	Hình gỗ các loại động vật	75,000	5	375,000	
4	Bộ đồ chơi bàn biza Size lớn	120,000	3	360,000	
5	Đồ chơi xếp hình bằng gỗ	150,000	3	450,000	
6	Đồ chơi trẻ em HuXu	220,000	5	1,100,000	
7	Bộ que tính chữ số học toán	5,000	3	15,000	
8	Đồ chơi gỗ xếp hình 7 sắc cầu vồng	150,000	5	750,000	
9	Đồ chơi xếp hình bằng gỗ, montessor,	120,000	5	600,000	
10	Đồ chơi bộ ghép số tập đếm bằng gỗ cho bé	95,000	5	475,000	
11	Đồ chơi con quay bằng gỗ nhiều màu	65,000	5	325,000	
12	Đồ chơi xếp hình 400 bông hoa	85,000	5	425,000	
13	Đồ chơi giáo dục ghép hình 3d các con vật	71,780	5	358,900	
14	Đồ chơi gỗ phát triển tư duy cho bé,	87,000	5	435,000	
15	Đồ chơi trí tuệ, bảng mê cung	178,000	5	890,000	
16	Gạch xếp xây dựng	119,000	5	595,000	
17	Đồ chơi xếp hình cân bằng cho	125,000	5	625,000	
18	Bộ Domino 120 chi tiết nhiều màu cho bé	100,000	5	500,000	
19	Đồ chơi khối từ tính nam châm	175,500	5	877,500	
20	Bộ đồ chơi lắp ghép trí tuệ 100 chi tiết	110,000	5	550,000	
	TỔNG CỘNG			10,341,400	